

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG PHƯƠNG NAM

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG PHƯƠNG NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHUONG NAM DESIGN CONSULTANT AND INVESTMENT CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: PHUONGNAMDESIGN., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109510545

3. Ngày thành lập: 26/01/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 314, NO06, LK 27-28 TTCN Dương Nội, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904269225

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
2.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
3.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; Bán buôn sơn và véc ni; Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; Bán buôn kính phẳng; Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; Bán buôn bình đun nước nóng; Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...; Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.	4663
4.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng: Đồ ngũ kim; Sơn, véc ni và sơn bóng; Kính phẳng; Vật liệu xây dựng khác như gạch, ngói, gỗ, thiết bị vệ sinh; Thiết bị và vật liệu để tự làm.; Máy cắt cỏ; Phòng tắm hơi	4752
5.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
6.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
7.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
8.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322

9.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa	4610
10.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
11.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
13.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt, may; Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.	4659
14.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; (Ghi theo Điều 7 Nghị định 10/2020/NĐ-CP) - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô; (Ghi theo Điều 8 Nghị định 10/2020/NĐ-CP) - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; (Ghi theo Điều 4 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)	4932
15.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô; (Ghi theo Điều 9 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)	4933
16.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; (Ghi theo Điều 28 Luật Thương mại năm 2005)	8299
17.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
18.	Cho thuê xe có động cơ	7710
19.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động,	4329
20.	Xây dựng nhà để ở	4101
21.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
22.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223

23.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát xây dựng (Ghi theo khoản 26 Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP); - Lập quy hoạch xây dựng (Ghi theo khoản 27 Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP); - Thiết kế xây dựng công trình (Ghi theo khoản 28 Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP); - Tư vấn quản lý dự án (Ghi theo khoản 30 Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP); - Giám sát thi công xây dựng (Ghi theo khoản 33 Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP); - Kiểm định xây dựng (Ghi theo khoản 34 Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP); - Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng (Ghi theo khoản 35 Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP); - Tư vấn về phòng cháy và chữa cháy, bao gồm: tư vấn thiết kế về phòng cháy và chữa cháy; tư vấn thẩm định về phòng cháy và chữa cháy; tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy; tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy; (Ghi theo Điều 44, điểm b khoản 2 Điều 43 Nghị định 136/2020/NĐ-CP)	7110(Chính)
24.	Khai thác quặng uranium và quặng thorium	0721
25.	Xây dựng nhà không để ở	4102
26.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
27.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
28.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
29.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
30.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
31.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
32.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
33.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
34.	Khai thác và thu gom than non	0520
35.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
36.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741

37.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng: - Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán lẻ đèn và bộ đèn; - Bán lẻ dụng cụ gia đình và dao kéo, dụng cụ cắt, gọt; hàng gốm, sứ, hàng thủy tinh; - Bán lẻ sản phẩm bằng gỗ, lie, hàng đan lát bằng tre, song, mây và vật liệu tết bện; - Bán lẻ thiết bị gia dụng; - Bán lẻ thiết bị hệ thống an ninh như thiết bị khoá, kết sắt... không đi kèm dịch vụ lắp đặt hoặc bảo dưỡng; - Bán lẻ thiết bị và hàng gia dụng khác chưa được phân vào đâu.	4759
38.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
39.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
40.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
41.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác Chi tiết: - Khử độc các vùng đất và nước ngầm tại nơi bị ô nhiễm, ở vị trí hiện tại hoặc vị trí cũ, thông qua sử dụng các phương pháp cơ học, hoá học hoặc sinh học; Khử độc các nhà máy công nghiệp hoặc các khu công nghiệp, gồm cả nhà máy và khu hạt nhân; Khử độc và làm sạch nước bề mặt tại các nơi bị ô nhiễm do tai nạn, ví dụ như thông qua việc thu gom chất gây ô nhiễm hoặc thông qua sử dụng các chất hoá học; Làm sạch dầu loang và các chất gây ô nhiễm khác trên đất, trong nước bề mặt, ở đại dương và biển, gồm cả vùng bờ biển; Hủy bỏ amiăng, sơn chì và các vật liệu độc khác; Hoạt động kiểm soát ô nhiễm chuyên dụng khác.	3900
42.	Xây dựng công trình điện	4221
43.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời;	4299
44.	Phá dỡ	4311
45.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động nổ mìn)	4312
46.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc; Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước; Chống ẩm các toà nhà; Lợp mái các công trình nhà để ở	4390
47.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống); Ô tô chở khách loại trên 12 chỗ ngồi, kể cả xe chuyên dụng như xe cứu thương; Ô tô vận tải, kể cả loại chuyên dụng như xe bồn, xe đông lạnh, rơ-moóc và bán rơ-moóc; Ô tô chuyên dụng: Xe chở rác, xe quét đường, xe phun nước, xe trộn bê tông...; Xe vận chuyển có hoặc không gắn thiết bị nâng hạ, cạp giữ loại dùng trong nhà máy, kho hàng, sân bay, bến cảng, sân ga xe lửa	4511

48.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4541
49.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Dịch vụ thiết kế đồ thị; Hoạt động trang trí nội thất	7410
50.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
51.	Thu gom rác thải độc hại	3812
52.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
53.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
54.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
55.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
56.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
57.	Quảng cáo	7310
58.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa phân vào đâu được sử dụng như hàng hóa trong kinh doanh	7730
59.	Khai thác gỗ	0220
60.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
61.	Khai thác dầu thô	0610
62.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
63.	Khai thác quặng sắt	0710
64.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
65.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên Chi tiết: - Sự hoá lỏng khí tự nhiên và tập hợp khí phục vụ cho mục đích của vận tải, đã thực hiện tại nơi khai thác mỏ; - Kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng;	0910
66.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
67.	Sản xuất rượu vang	1102
68.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
69.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
70.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
71.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
72.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622

73.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Sản xuất củi đun từ gỗ ép hoặc nguyên liệu thay thế như bã cà phê hay đậu nành. - Sản xuất khung gương, khung tranh ảnh bằng gỗ; Sản xuất khung tranh sơn dầu cho nghệ sỹ; Sản xuất bộ phận giày bằng gỗ (như gót giày và cốt giày); Sản xuất cán ô, ba toong và đồ tương tự ; Sản xuất bộ phận dùng trong sản xuất tàu thuốc lá.	1629
74.	In ấn	1811
75.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
76.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế Chi tiết: - Sản xuất nhiên liệu ô tô: ga, dầu lửa; - Sản xuất nhiên liệu: xăng nặng, nhẹ, trung bình, tinh chất của ga như etan, propan, butan; - Sản xuất các sản phẩm cho ngành hoá dầu và cho ngành sản xuất chất phủ đường; - Sản xuất khí dầu mỏ hóa lỏng;	1920
77.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít Chi tiết: Sản xuất mực in	2022
78.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
79.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (Trừ sản xuất vàng miếng)	2420
80.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
81.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
82.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
83.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
84.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện Chi tiết: Sản xuất mô tơ, máy phát; Sản xuất biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;	2710
85.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
86.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
87.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
88.	Sản xuất thiết bị điện khác Chi tiết: Sản xuất chuông điện	2790
89.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811

90.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác Chi tiết: - Sản xuất máy bơm không khí hoặc chân không, máy nén khí và gas khác; - Sản xuất máy bơm cho chất lỏng, có hoặc không có thiết bị đo; - Sản xuất máy bơm thiết kế cho máy với động cơ đốt trong: bơm dầu, nước hoặc nhiên liệu cho động cơ mô tô... Nhóm này cũng gồm: - Sản xuất vòi và van công nghiệp, bao gồm van điều chỉnh và vòi thông; - Sản xuất vòi và van vệ sinh; - Sản xuất vòi và van làm nóng; - Sản xuất máy bơm tay.	2813
91.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính) Chi tiết: Sản xuất máy photocopy	2817
92.	Sản xuất máy thông dụng khác Chi tiết: Sản xuất máy hoá lỏng khí và gas; Sản xuất máy cung cấp gas; Sản xuất thiết bị, phụ kiện ngành khí	2819
93.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng	2829
94.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
95.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
96.	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: Xây dựng công trình xử lý bùn; Xây dựng các công trình công ích khác chưa được phân vào đâu.	4229
97.	Xây dựng công trình thủy	4291
98.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
99.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
100.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
101.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán khí gas hóa lỏng	4661
102.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
103.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hóa chất khác; - Bán buôn hóa chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; - Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh;	4669
104.	Bán buôn tổng hợp (Trừ hàng hóa Nhà nước cấm)	4690
105.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)	4719
106.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
107.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
108.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510

109.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
110.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
111.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt Chi tiết: - Dịch vụ vệ sinh bên ngoài cho tất cả các công trình, bao gồm các văn phòng, nhà máy, cửa hàng, cơ quan và các khu nhà đa mục tiêu khác; - Dịch vụ vệ sinh chuyên nghiệp cho khu nhà như làm sạch cửa sổ, làm sạch ống khói hoặc vệ sinh lò sưởi, lò thiêu, nồi cất, ống thông gió, các bộ phận của ống; - Vệ sinh và bảo dưỡng bể bơi; - Vệ sinh máy móc công nghiệp; - Vệ sinh tàu hỏa, xe buýt máy bay...; - Vệ sinh mặt đường và tàu chở dầu trên mặt biển; - Dịch vụ tẩy uế và diệt trùng; - Quét đường và cào tuyết; - Dịch vụ vệ sinh khu nhà và các công trình khác chưa được phân vào đâu.	8129

6. Vốn điều lệ: 6.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 600.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHÙNG THỊ THU HÀ	Số 2, Khu TT Giáo viên, Tổ dân phố 01, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	234.000	2.340.000.000	39,000	111441378	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	234.000	2.340.000.000	39,000		

2	PHÙNG QUỐC HẢI	Số 2, Khu TT Giáo viên, Tổ dân phố 01, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	6.000	60.000.000	1,000	001082019035
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	6.000	60.000.000	1,000	
3	NGUYỄN XUÂN THÀNH	Thôn 9, Xã Vân Du, Huyện Đoàn Hùng, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	360.000	3.600.000.000	60,000	131598820
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	360.000	3.600.000.000	60,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHÙNG QUỐC HẢI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 17/06/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001082019035

Ngày cấp: 28/10/2016

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 2, Khu TT Giáo viên, Tổ dân phố 01, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 314, NO06, LK 27-28 TTCN Dương Nội, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội